

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện**

-----

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng đối với: tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.

**Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương thực hiện thẩm định cấp giấy phép môi trường là người nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhà nước ở trung ương được giao thực hiện thẩm định cấp giấy phép môi trường là tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này.

### **Điều 3. Mức thu phí, miễn thu phí**

Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện được quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 4. Kê khai, thu, nộp phí**

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm định lại đến trước khi cơ quan thẩm định tổ chức Đoàn kiểm tra tại cơ sở. Phí nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

### **Điều 5. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Thông tư này bãi bỏ các nội dung sau:

a) Thông tư số 59/2017/TT-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

b) Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước TP. Hà Nội;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

## **BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BTC ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

-----

1. Phí cấp giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc nhóm I và nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (trừ các dự án/cơ sở quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây): 50 triệu đồng/giấy phép/dự án/cơ sở Nhóm I; 45 triệu đồng/giấy phép/dự án/cơ sở Nhóm II.

2. Phí cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại/cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Số TT	Số lượng thiết bị xử lý chất thải nguy hại	Mức phí (triệu đồng)	
		Dự án	Cơ sở
1	Đến 4	60	40
2	Từ 5 đến 10	65	50
3	Từ 10 trở lên	70	60

3. Phí cấp giấy phép môi trường đối với các dự án nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất/cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đã đi vào hoạt động

Số TT	Chủng loại phế liệu	Mức phí (triệu đồng)	
		Dự án	Cơ sở
1	Phế liệu sắt, thép	75	50
2	Phế liệu giấy	65	45
3	Phế liệu nhựa	60	40
4	Phế liệu khác	55	35

4. Mức phí nêu trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí đi lại của Đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở và chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định.

5. Trường hợp các dự án/cơ sở đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép môi trường trong đó có lồng ghép nhiều nội dung đề nghị cấp phép bao gồm: thực hiện dịch

vụ xử lý chất thải nguy hại, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và các nội dung khác: Mức phí được xác định là mức phí đối với dự án/cơ sở cao nhất quy định tại các điểm 1, 2, và 3 Biểu mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

6. Quy định về phân nhóm dự án, cơ sở, chủng loại phế liệu, số lượng thiết bị xử lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định pháp luật về môi trường.

-----